

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-01-2019
V/v Ly hôn Th- T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Sơn Hùng

Bà Trương Thị Thu thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ là Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 504/2018/TLST.HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/12/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thanh Th, sinh năm 1989 nơi cư trú: Ấp CD, xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1981 nơi cư trú: Số 95, tổ 04, ấp VQ, xã VTT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 9 năm 2018 và lời khai của nguyên đơn chị Lê Thanh Th trình bày: Chị và anh Trần Văn T yêu nhau, tự nguyện chung sống vợ chồng năm 2008, không tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh Trung.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cự cãi nhau. Đến ngày 20-04-2016 vợ chồng làm giấy tự thỏa thuận ly hôn, rồi từ đó đến nay không còn chung sống với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đoàn tụ nên chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Chị và anh T có hai con chung Trần Văn Nh, sinh năm 2009 và Trần Minh N, sinh năm 2014 chị đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Chị Th và anh T ly thân từ tháng 4 năm 2016 đến nay, hai người đã làm giấy tay tự ly hôn. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu cho chị Th được ly hôn anh T. Con chung từ khi vợ chồng ly thân đến nay chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Nh trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với chị Th. Do đó đề nghị giao hai con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Th và anh T không có tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh T là bị đơn đã được triệu tập xét xử phiên tòa lần thứ hai nhưng không có mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T là phù hợp với qui định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh T và chị Th chung sống vợ chồng năm 2008, có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh Trung, do đó được pháp luật công nhận hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến ngày 20-04-2016 thì cả hai thống nhất là tờ tự thuận ly hôn, và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị Th nhưng anh T không thực hiện. Qua xác minh thì địa phương không biết được mâu thuẫn của vợ chồng anh T và chị Th.

Anh T và chị Th đã tự nguyện không còn chung sống vợ chồng từ năm 2016 và thực tế cả hai không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng với nhau. Anh T và chị Th không còn thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Như vậy cho thấy cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không còn đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó chị Th yêu cầu ly hôn là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Tờ thỏa thuận ngày 20-04-2016 anh T và chị Th thống nhất chị Th được nuôi dưỡng hai con Trần Văn Nh, sinh năm 2009 và Trần Minh N, sinh năm 2014; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi thỏa thuận, chị Th trực

tiếp nuôi hai con cho đến nay, chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Cháu Nh trên 7 tuổi có nguyện vọng tiếp tục sống với chị Th. Anh T và chị Th thỏa thuận giao chị Th nuôi dưỡng hai con chung là hoàn toàn tự nguyện do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giao chị Th được tiếp tục nuôi hai con chung; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thanh Th.

Chị Lê Thanh Th được ly hôn anh Trần Văn T.

Chị Th và anh T có hai con chung Trần Văn Nh, sinh năm 2009 và Trần Minh N, sinh năm 2014; giao hai con chung cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Th có nghĩa vụ tạo điều kiện cho anh T được thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có quyền xem xét và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Chị Th và anh T không có tài sản chung, nợ chung

Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010353 ngày 01/10/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú.

Chị Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS Châu Phú;
- UBND xã Vĩnh Thạnh Trung
- Lưu HS-VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thế Văn